

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 430/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Minh;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1987; Địa chỉ thường trú: 121B đường A, Phường A1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. (có Đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1983; Hộ khẩu thường trú: Khu phố C, phường C1, thị xã C2, tỉnh C3; Địa chỉ tạm trú: 121B đường A, Phường A1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Nguyễn Ngọc Tr trình bày:

Bà và Ông Nguyễn Văn Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, có tổ chức đám cưới và thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng bà thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái, vợ chồng không lúc nào không cãi nhau, chính điều này đã làm mối quan hệ vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng. Mặt khác, trong cuộc sống hôn nhân ông Th cũng ít khi có sự quan tâm, chăm lo cho gia đình, mọi thứ công việc trong gia đình đều do một mình bà lo. Đã rất nhiều lần bà và ông Th cố gắng ngồi lại nói chuyện để tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng đều không có kết quả. Nhận thấy mục đích

hôn nhân không đạt được như mong muốn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thành.

- Về con chung: Bà và ông Th có với nhau một con chung tên là Nguyễn Anh T, sinh ngày 01/9/2014, giới tính: nam. Bà yêu cầu giao con chung cho bà là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Việc cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Bị đơn Ông Nguyễn Văn Th trình bày: Ông và Bà Nguyễn Ngọc Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, có tổ chức đám cưới và thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng ông thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bà Tr thường hay cấm cản không cho ông đưa con về gia đình bên nội, chính điều này đã làm cho mối quan hệ vợ chồng ông ngày càng trở nên căng thẳng. Ông đã cố gắng tìm cách để giải quyết mâu thuẫn trên nhưng không có kết quả. Ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng đến mức vợ ông phải xin ly hôn với ông nên ông không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn thương vợ và con. Trường hợp, bà Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn thì ông cũng đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà Tr có với nhau một con chung tên là Nguyễn Anh T, sinh ngày 01/9/2014, giới tính: nam. Ông không đồng ý giao con chung cho bà Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Việc cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Bà Nguyễn Ngọc Tr có đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn Ông Nguyễn Văn Th. Bị đơn Ông Nguyễn Văn Th có nơi cư trú tại 121B đường A, Phường A1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân và gia đình về Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Tại phiên tòa, bị đơn Ông Nguyễn Văn Th tiếp tục vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nguyên đơn Bà Nguyễn Ngọc Tr có Đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án. Xét, sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Tr và Ông Nguyễn Văn Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 và có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét, nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng hôn nhân của bà Tr và ông Th ngày càng trở nên trầm trọng đó là sự bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái, sự thiếu quan tâm, chăm sóc và chia sẻ với nhau trong các vấn đề liên quan đến cuộc sống gia đình. Ông Th khai rằng mâu thuẫn vợ chồng là có nhưng không đến mức trầm trọng nhưng bản thân ông lại không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng nguyên đơn bà Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, việc này cho thấy đời sống chung của vợ chồng bà Tr và ông Th là không thể tiếp tục. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trâm.

[2.2] Về con chung: Bà Tr và ông Th cùng thống nhất quá trình chung sống với nhau có một con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 01/9/2014, giới tính: nam. Các bên đều cùng có yêu cầu được giao con chung cho mình là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Xét, việc bà Tr và ông Th cùng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là xuất phát từ tình yêu thương và tinh thần trách nhiệm của bậc làm cha mẹ đối với con. Do bà Tr và ông Th không thỏa thuận được về quyền nuôi con, nên việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc sẽ do Hội đồng xét xử quyết định trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của con.

Theo Giấy xác nhận công tác và mức lương đề ngày 19/6/2020 được ký và đóng dấu bởi Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất may mặc Sám Trinh thì bà Tr có công việc và mức thu nhập ổn định là 13.000.000đ/tháng. Cũng theo Giấy xác nhận đề ngày 18/6/2020 của trường mầm non Thiên Phước, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh do Hiệu trưởng ký và đóng dấu thì suốt thời gian trẻ Nguyễn Anh T học tại trường này, việc đi học của trẻ đều do mẹ là bà Tr và dì là bà Nguyễn Ngọc T1 trực tiếp đưa đón. Trẻ Nguyễn Anh T có cùng nơi cư trú với mẹ là tại địa chỉ 121B đường A, ngoài bà Tr thì việc chăm sóc và dạy dỗ cho trẻ Anh T1 còn có sự giúp đỡ từ phía ông bà ngoại. Tính đến thời điểm xét xử thì trẻ Nguyễn Anh T chỉ mới được 6 tuổi, độ tuổi còn khá nhỏ nên cần thiết có sự chăm sóc của người mẹ. Ông Th mặc dù cũng có nguyện vọng được nuôi con nhưng bản thân ông không có công ăn việc làm ổn định; và trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Th không cung cấp được bất cứ tài liệu giấy tờ nào chứng minh mình có đủ điều kiện và khả năng nuôi con. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong việc phát triển tâm sinh lý và tránh việc xáo trộn cuộc sống sinh hoạt thường ngày của trẻ Nguyễn Anh T, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung cho bà Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Việc cấp dưỡng: Bà Tr và ông Th đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr và ông Th đều khai không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 và 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Tr được ly hôn với Ông Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Có một con chung tên là Nguyễn Anh T, sinh ngày 01/9/2014, giới tính: nam. Giao con chung cho bà Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Th do bà Tr không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định thay đổi

người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) Bà Nguyễn Ngọc Tr phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014606 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10. Bà Tr đã nộp đủ tiền án phí dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND P.1, Q.10;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bảo Ngọc